BỘ CÔNG THƯƠNG ------- Số: 1570/QĐ-BCT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BỔ SUNG DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 5790/BCT-KH ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Thủ tướng Chính phủ (để b/c); - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c); - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN; - Ngân hàng Nhà nước; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Các TĐ, TCT 90,91, CT thuộc Bộ; - Website BCT; - Lưu: VT, KH (3).	**KT. BỘ TRƯỞNG** **THỨ TRƯỞNG** **Cao Quốc Hưng**

PHỤ LỤC
DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC CỦA CÔNG TY THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-BCT ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã số hải quan HS (*)				Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
Nhóm	Phân nhóm					
8504	31	13		Biến điện áp đo lường một pha trung thế	- Điện áp định mức; 6; 15; 22 kV. - Điện áp thứ cấp định mức: (60-120) V.	56,56%

www.luatvn.vn

				khô ngoài trời	- Cấp chính xác: 0.5. Tải: (10-50) VA. - Chiều dài đường rò: 25 mm/kV. Khối lượng: 39 kg. - Sử dụng trong vùng nhiễm mặn.	
8504	31	13		Biến điện áp đo lường một pha trung thế khô trong nhà	- Điện áp định mức: 6; 15; 22 kV. - Điện áp thứ cấp định mức: (60-120) V. - Cấp chính xác: 0.5. Tải: (10-50) VA. - Chiều dài đường rò: 15 mm/kV. Khối lượng: 31 kg. - Sử dụng trong vùng nhiễm mặn.	59,89%
8504	31	24		Biến dòng điện đo lường một pha khô ngoài trời	- Điện áp định mức: 6; 15; 24; 32 kV. - Dòng điện sơ cấp định mức: (2.5-800) A. - Dòng điện thứ cấp định mức: 1A; 5A. - Cấp chính xác: 0.5. Tải: (10-30) VA. - Chiều dài đường rò: 25 mm/kV. Khối lượng: 32 kg. - Sử dụng trong vùng nhiễm mặn.	49,01%
8504	31	24		Biến dòng điện đo lường một pha khô trong nhà	- Điện áp định mức: 6; 15; 24 kV. - Dòng diện sơ cấp định mức: (2.5-800) A. - Dòng điện thứ cấp định mức: 1A; 5A. - Cấp chính xác: 0.5; 1. Tải: (10-30) VA. - Chiều dài đường rò: 15 mm/kV. Khối lượng: 28 kg. - Sử dụng trong vùng nhiễm mặn.	62,08%
8504	31	29		Biến dòng hạ thế	- Điện áp định mức: < 1000 V. - Dòng điện sơ cấp định mức: (50-4000) A. - Dòng điện thứ cấp định mức: 5A. - Cấp chính xác: 0.5; 1. Tải: (5-15) VA.	79,73%
8504				Máy biến áp cấp nguồn một pha trung thế khô ngoài trời	- Điện áp định mức: 6; 15; 22 kV. - Điện áp thứ cấp định mức: (100-240) V. Tải: (50-1500) VA. - Chiều dài đường rò: 31 mm/kV. Khối lượng: 39 kg.	58,86%
8532	29	00		Tụ điện PL trung thế một pha	- Điện áp định mức: (6.6 - 22) kV. - Dòng điện: (4.5-30.3) A. - Công suất: 100; 200 kVar. - Khối lượng: 28 - 46 kg.	51,06%

(*). Mã HS: căn cứ theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.